

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 39



2010327/11

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0304746375 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và theo các giấy phép thay đổi, giấy phép thay đổi gần nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2023. Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Bà Đỗ Sông Hồng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Miên Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021
Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Tấn Đạt	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Trung Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Phương Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Sông Hồng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Bà Đặng Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thùy Đoan	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

Ông Nguyễn Thúc Vinh - Phó Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2025/GUQ-CT.HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 60752804/67868970

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		90.143.956.780	86.688.973.625
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	28.043.662.942	64.337.078.164
111	1. Tiền		28.043.662.942	37.837.078.164
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	26.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	57.370.662.991	8.788.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		65.190.302.912	9.022.513.500
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(7.819.639.921)	(234.513.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	4.474.645.398	13.437.843.997
131	1. Phải thu khách hàng		1.798.000.000	11.823.605.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	2.544.174.498	1.391.495.276
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	132.470.900	222.743.721
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		254.985.449	126.051.464
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	254.985.449	126.051.464
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.604.363.973	10.252.246.664
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		347.273.955	337.273.955
218	1. Phải thu dài hạn khác	8	347.273.955	337.273.955
220	II. Tài sản cố định	9	864.953.076	637.595.754
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	57.857.420	92.571.884
222	Nguyên giá tài sản cố định		1.302.804.580	1.302.804.580
223	Khấu hao lũy kế		(1.244.947.160)	(1.210.232.696)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9.2	784.873.432	484.088.758
228	Nguyên giá tài sản cố định		1.099.573.658	626.000.458
229	Hao mòn lũy kế		(314.700.226)	(141.911.700)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.3	22.222.224	60.935.112
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.500.000.000	7.500.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	3.500.000.000	7.500.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.892.136.942	1.777.376.955
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	126.528.815	37.409.744
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	24	1.765.608.127	1.739.967.211
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		96.748.320.753	96.941.220.289

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		312.178.609	1.608.497.665
310	I. Nợ ngắn hạn		312.178.609	1.608.497.665
312	1. Phải trả người bán	11	1.819.549	18.008.764
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	245.559.060	591.208.901
315	3. Phải trả người lao động	13	-	902.080.000
316	4. Chi phí phải trả	14	64.800.000	97.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		96.436.142.144	95.332.722.624
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	100.000.000.000	100.000.000.000
420	2. Lỗ sau thuế chưa phân phối		(3.563.857.856)	(4.667.277.376)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		96.748.320.753	96.941.220.289

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		23.943.000.000	6.374.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		23.443.000.000	1.300.000.000
011	- Chứng khoán chờ thanh toán		500.000.000	5.074.000.000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		3.500.000.000	7.500.000.000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		-	1.871.870.617
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	16	-	1.871.870.617
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		-	824.484.876
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	17	-	824.484.876
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	18	-	2.979.200

Người lập:

An

Người kiểm soát:

Nguyễn Thị Bích Thủy

Người phê duyệt:



Bà Phan Khánh An
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		4.202.542.311	8.384.598.016
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	4.202.542.311	8.384.598.016
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	(1.064.453.523)	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.138.088.788	8.384.598.016
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.068.455.129	12.585.801.041
22	7. Chi phí tài chính	22	(8.384.151.640)	(2.902.652.407)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(10.745.198.673)	(10.429.663.328)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.077.193.604	7.638.083.322
31	10. Thu nhập khác		585.000	2.400.000
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		585.000	2.400.000
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.077.778.604	7.640.483.322
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-
52	15. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	24	25.640.916	(1.518.993.764)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.103.419.520	6.121.489.558
70	17. Lãi trên cổ phiếu	25	110	879

Người lập:

An

Người kiểm soát:

Nguyễn Thị Bích Thủy

Người phê duyệt:



Bà Phan Khánh An
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lãi trước thuế		1.077.778.604	7.640.483.322
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao và hao mòn TSCĐ		207.502.990	123.370.050
05	- Các khoản trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		7.585.126.421	(3.933.702.077)
08	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.537.129.604)	(601.597.108)
09	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.333.278.411	3.228.554.187
10	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		8.885.904.078	(13.032.166.147)
11	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		(56.167.789.412)	11.896.923.577
12	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.296.319.056)	1.014.118.442
12	- Tăng chi phí trả trước		(218.053.056)	(66.882.141)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(41.462.979.035)	3.040.547.918
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(434.860.312)	(253.000.458)
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.000.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.000.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.000.000.000	-
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.604.424.125	723.157.380
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.169.563.813	10.470.156.922

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	40.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	40.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36.293.415.222)	53.510.704.840
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	64.337.078.164	10.826.373.324
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	28.043.662.942	64.337.078.164

Người lập:

An

Bà Phan Khánh An
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND		Năm 2023		Năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	60.000.000.000	100.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối		(10.788.766.934)	(4.667.277.376)	6.121.489.558	-	1.103.419.520	-	(4.667.277.376)	(3.563.857.856)
TỔNG CỘNG		49.211.233.066	95.332.722.624	46.121.489.558	-	1.103.419.520	-	95.332.722.624	96.436.142.144

Người lập:

An

Người kiểm soát:

Quynh



Bà Phan Khánh An
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0304746375 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và theo các giấy phép thay đổi, giấy phép thay đổi gần nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2023. Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22 người (31 tháng 12 năm 2023: 18 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng chỉ quỹ và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Website	3 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,50% lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ/hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	-	9.367.751
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	28.043.662.942	2.731.565.345
Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("VDSC")	-	35.096.145.068
Tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng	-	26.500.000.000
	28.043.662.942	64.337.078.164

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	400.000	11.356.345.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)	260.000	9.100.304.511	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GEX)	314.500	6.154.037.890	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát (HPG)	350.000	10.121.182.500	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen (HSG)	150.000	2.948.111.833	-	-
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - Công ty Cổ phần (KBC)	214.800	5.599.133.540	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH)	60.000	1.945.079.451	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1 (PC1)	115.000	2.718.552.503	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT)	330.000	9.812.595.192	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (VCI)	150.000	5.434.960.492	-	-
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (VNM)	-	-	130.000	9.022.513.500
	2.344.300	65.190.302.912	130.000	9.022.513.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị dự phòng VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	400.000	3.796.345.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)	260.000	1.690.304.511	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GEX)	314.500	147.087.890	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát (HPG)	350.000	793.682.500	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn PCI (PC1)	115.000	85.052.503	-	-
Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen (HSG)	150.000	180.611.833	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT)	330.000	671.595.192	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (VCI)	150.000	454.960.492	-	-
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (VNM)	-	-	130.000	234.513.500
	2.069.500	7.819.639.921	130.000	234.513.500

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đầu năm	234.513.500	4.168.215.577
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	7.585.126.421	(3.933.702.077)
Cuối năm	7.819.639.921	234.513.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	2.544.174.498	1.391.495.276
Phải thu khách hàng		1.798.000.000	11.823.605.000
Các khoản phải thu khác	6.2	132.470.900	222.743.721
		4.474.645.398	13.437.843.997

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí quản lý quỹ	75.063.897	50.949.289
Phí thưởng hoạt động	2.469.110.601	1.340.545.987
	2.544.174.498	1.391.495.276

6.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	57.294.521
Tạm ứng nhân viên	1.300.000	21.800.000
Cổ tức	130.000.000	140.000.000
Các khoản phải thu khác	1.170.900	3.649.200
	132.470.900	222.743.721

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	254.985.449	126.051.464
Thiết bị văn phòng	95.434.950	54.173.866
Chi phí hoạt động ngoại khóa	50.478.065	-
Bảo trì phần mềm	50.296.666	35.666.668
Khác	58.775.768	36.210.930
Chi phí trả trước dài hạn	126.528.815	37.409.744
Bản quyền Windows	58.303.388	-
Phí chứng thư số TS24, iBHXH	45.091.412	9.408.494
Phần mềm	7.529.724	15.687.812
Thiết bị văn phòng	667.156	8.673.160
Khác	14.937.135	3.640.278
	381.514.264	163.461.208

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc thuê văn phòng	337.273.955	337.273.955
Đặt cọc thuê xe công nghệ	10.000.000	-
	347.273.955	337.273.955

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

9.1 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.092.300.000	210.504.580	1.302.804.580
Số cuối năm	1.092.300.000	210.504.580	1.302.804.580
Giá trị khấu hao			
Số đầu năm	1.092.300.000	117.932.696	1.210.232.696
Tăng trong năm	-	34.714.464	34.714.464
Số cuối năm	1.092.300.000	152.647.160	1.244.947.160
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	92.571.884	92.571.884
Số cuối năm	-	57.857.420	57.857.420

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.129.232.280 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.129.232.280 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

9.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Bản quyền VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	373.000.000	253.000.458	626.000.458
Mua mới	400.000.000	-	400.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	73.573.200	-	73.573.200
Số cuối năm	846.573.200	253.000.458	1.099.573.658
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	127.856.118	14.055.582	141.911.700
Tăng trong năm	88.455.034	84.333.492	172.788.526
Số cuối năm	216.311.152	98.389.074	314.700.226
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	245.143.882	238.944.876	484.088.758
Số cuối năm	630.262.048	154.611.384	784.873.432

9.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Xây dựng phần mềm	22.222.224	60.935.112

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tỷ lệ đầu tư</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Tỷ lệ đầu tư</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>Giá trị VND</i>
Quỹ Đầu tư Rồng Việt (RVIF)	5%	350.000	3.500.000.000	15%	750.000	7.500.000.000

Quỹ đầu tư Rồng Việt là quỹ thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận số 65/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2022 và theo các giấy phép thay đổi sau đó, gần nhất vào ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Thời hạn hoạt động của quỹ: 5 năm.

Mệnh giá chứng chỉ quỹ: 10.000 đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 7.000.000 chứng chỉ quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả về giao dịch chứng khoán	1.798.000	1.798.000	17.735.408	17.735.408
Phải trả phí lưu ký	21.549	21.549	273.356	273.356
	1.819.549	1.819.549	18.008.764	18.008.764

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	240.000	222.222	(462.222)	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	344.661.489	3.174.350	(347.835.839)	-
Thuế thu nhập cá nhân	246.307.412	1.143.462.504	(1.144.210.856)	245.559.060
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	591.208.901	1.149.859.076	(1.495.508.917)	245.559.060

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lương phải trả người lao động	-	902.080.000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí kiểm toán	64.800.000	97.200.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

15. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần				
Chứng khoán Rồng Việt	58.000.000.000	58,00	58.000.000.000	58,00
Ông Nguyễn Thúc Vinh	10.250.000.000	10,25	10.250.000.000	10,25
Ông Phạm Hữu Phú	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	10,00
Bà Nguyễn Thanh Loan	9.000.000.000	9,00	9.000.000.000	9,00
Bà Đỗ Sông Hồng	5.000.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00
Ông Nguyễn Miên Tuấn	4.500.000.000	4,50	4.500.000.000	4,50
Các cá nhân khác	3.250.000.000	3,25	3.250.000.000	3,25
	100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông - Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành - Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Khách hàng CN_009.2	-	823.388.951
Khách hàng CN_0023	-	1.048.481.666
	-	1.871.870.617

Khách hàng CN_009.2

Tiền gửi không kỳ hạn:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	823.388.951	-
Số tăng trong năm	1.359.449.186	4.521.839.605
Thu tiền bán chứng khoán (đã trừ phí môi giới)	1.359.100.000	3.197.703.000
Vốn ủy thác	-	818.203.392
Nhận tiền đáo hạn hợp đồng tiền gửi	-	500.000.000
Lãi tiền gửi	349.186	3.597.597
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	2.335.616
Số giảm trong năm	2.182.838.137	3.698.450.654
Chi tiền mua chứng khoán	780.050.000	3.187.423.975
Hợp đồng tiền gửi	-	500.000.000
Phí môi giới bán chứng khoán	3.208.725	3.820.955
Thuế thu nhập cá nhân	2.738.200	2.358.603
Phí ngân hàng lưu ký và phí lưu ký chứng khoán	1.450.000	1.750.000
Phí quản lý danh mục	70.045.020	-
Thanh lý chuyển trả	1.324.228.744	-
Các khoản phí phải trả khác	1.117.448	3.097.121
Số cuối năm	-	823.388.951

Tiền gửi có kỳ hạn:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	-	500.000.000
Nhận tiền đáo hạn hợp đồng tiền gửi	-	500.000.000
Số giảm trong năm	-	500.000.000
Hợp đồng tiền gửi	-	500.000.000
Số cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Khách hàng CN_0023

Tiền gửi không kỳ hạn:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.048.481.666	-
Số tăng trong năm	1.816.327.903	2.600.549.469
Vốn ủy thác	-	1.500.000.000
Thu tiền bán chứng khoán (đã trừ phí môi giới)	1.815.250.000	1.100.100.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.077.903	449.469
Số giảm trong năm	2.864.809.569	1.552.067.803
Chi tiền mua chứng khoán	1.013.700.000	1.548.894.863
Phí môi giới bán chứng khoán	4.243.425	1.575.275
Thuế thu nhập cá nhân	2.915.350	-
Phí quản lý danh mục	42.484.816	-
Thanh lý chuyển trả	1.798.527.293	-
Phí ngân hàng lưu ký và phí lưu ký chứng khoán	1.650.000	700.000
Các khoản phí phải trả khác	1.288.685	897.665
Số cuối năm	-	1.048.481.666

17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu niêm yết	-	824.484.876
Trong đó cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/ rủi ro:	-	824.484.876
MWG	-	824.484.876

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	-	2.979.200

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ phí thường hoạt động	2.533.056.857	1.346.380.304
Doanh thu hoạt động Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty đầu tư chứng khoán	978.209.050	537.314.879
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	642.692.824	-
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	48.583.580	6.500.902.833
	4.202.542.311	8.384.598.016

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	782.813.077	-
Chi phí thuê văn phòng	229.685.554	-
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	25.000.000	-
Chi phí hoạt động quản lý quỹ và đầu tư chứng khoán	2.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.054	-
Chi phí khác	24.739.838	-
	1.064.453.523	-

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đầu tư chứng khoán	15.531.325.525	11.984.203.933
Lãi tiền gửi	294.729.604	521.597.108
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.242.400.000	80.000.000
	17.068.455.129	12.585.801.041

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	495.202.988	6.447.224.350
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.585.126.421	(3.933.702.077)
Phí hoạt động giao dịch chứng khoán	296.882.100	389.130.134
Chi phí tài chính khác	6.940.131	-
	8.384.151.640	2.902.652.407

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.381.401.604	8.131.528.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.548.197.356	1.501.901.398
Chi phí khấu hao và hao mòn	207.287.936	123.370.050
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.430.583	79.176.292
Chi phí kiểm toán	118.800.000	97.200.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí bằng tiền khác	351.081.194	492.486.700
	10.745.198.673	10.429.663.328

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (2023: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.077.778.604	7.640.483.322
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	215.555.721	1.528.096.664
Các khoản điều chỉnh tăng	7.283.363	16.797.100
Trích trước chi phí	-	10.800.000
Chi phí không được trừ	7.283.363	5.997.100
Các khoản điều chỉnh giảm	(248.480.000)	(25.900.000)
Cổ tức	(248.480.000)	(16.000.000)
Hoàn nhập chi phí trích trước năm trước	-	(9.900.000)
Lỗi tính thuế chưa sử dụng	25.640.916	-
Sử dụng chuyển lỗ năm trước	-	(1.518.993.764)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi thuế tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗ tính thuế ước tính được chuyển sang năm sau	1.765.608.127	1.739.967.211	25.640.916	(1.518.993.764)
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm			25.640.916	(1.518.993.764)

24.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 8.828.040.630 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.699.836.051 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến cuối năm nay VND	Không được chuyển lỗ VND	Chưa chuyển lỗ tại cuối năm nay VND
2022	2027	16.294.804.873	(7.594.968.822)	-	8.699.836.051
2024	2029	128.204.579	-	-	128.204.579
		16.423.009.452	(7.594.968.822)	-	8.828.040.630

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trị giá 1.765.608.127 VND từ khoản lỗ lũy kế nói trên.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty (VND)	1.103.419.520	6.121.489.558
Bình quân giá quyền của sổ cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	6.964.384
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	110	879

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - ▶ Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - ▶ Có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Công ty mẹ	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.000.000.000	58.000.000.000
		Số dư tiền gửi	-	35.096.145.068
		Phải trả phí lưu ký	21.549	273.356
		Phải trả về giao dịch chứng khoán	1.798.000	17.735.408
		Phải thu về giao dịch chứng khoán	1.798.000.000	11.823.605.000
Quỹ Đầu tư Rồng Việt	Cùng chủ đầu tư	Đầu tư dài hạn	3.500.000.000	7.500.000.000
		Phải thu phí quản lý quỹ	75.063.897	50.949.289
		Phải thu phí thưởng hoạt động	2.469.110.601	1.340.545.987

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Công ty mẹ	Tăng tiền gửi đầu tư chứng khoán	393.998.793.300	320.486.397.721
		Giảm tiền gửi đầu tư chứng khoán	429.094.937.468	286.709.055.984
		Phí môi giới	296.882.100	389.130.134
		Phí lưu ký	6.940.131	3.487.304
		Lãi tiền gửi tài khoản giao dịch chứng khoán	36.507.808	17.917.721
		Phí SMS	-	132.000
		Phí dịch vụ phát hành Quỹ Đầu tư Rồng Việt	170.000.000	-
		Tăng vốn góp	-	27.400.000.000
Quỹ đầu tư Rồng Việt	Cùng chủ đầu tư	Phí quản lý quỹ	808.209.050	537.314.879
		Phí thưởng hoạt động	2.469.110.601	1.340.545.987
		Thu tiền phí thưởng hoạt động	1.340.545.987	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Ban Tổng Giám đốc	Lương, phụ cấp	3.196.947.061	3.336.114.318
-------------------	----------------	---------------	---------------

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.043.662.942	-	-	-	28.043.662.942
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	65.190.302.912	-	-	-	65.190.302.912
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	4.473.345.398	-	-	4.473.345.398
Phải thu dài hạn khác	-	5.000.000	342.273.955	-	347.273.955
	93.233.965.854	4.478.345.398	342.273.955	3.500.000.000	101.554.585.207
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	1.819.549	-	-	1.819.549
Chi phí phải trả	-	64.800.000	-	-	64.800.000
	-	66.619.549	-	-	66.619.549
Trạng thái thanh khoản ròng	93.233.965.854	4.411.725.849	342.273.955	3.500.000.000	101.487.965.658

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.837.078.164	26.500.000.000	-	-	64.337.078.164
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - góp	-	9.022.513.500	-	-	9.022.513.500
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	13.416.043.997	-	-	13.416.043.997
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	337.273.955	337.273.955
	37.837.078.164	48.938.557.497	-	7.837.273.955	94.612.909.616
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	18.008.764	-	-	18.008.764
Chi phí phải trả	-	97.200.000	-	-	97.200.000
	-	115.208.764	-	-	115.208.764
Trạng thái thanh khoản ròng	37.837.078.164	48.823.348.733	-	7.837.273.955	94.497.700.852

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.043.662.942	64.337.078.164	28.043.662.942	64.337.078.164
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	65.190.302.912	9.022.513.500	57.835.010.000	8.788.000.000
Đầu tư dài hạn	3.500.000.000	7.500.000.000	4.291.374.500	8.788.080.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.473.345.398	13.416.043.997	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	347.273.955	337.273.955	(*)	(*)
	101.554.585.207	94.612.909.616		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.819.549	18.008.764	(*)	(*)
Chi phí phải trả	64.800.000	97.200.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	(*)	(*)
	66.619.549	115.208.764		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

<i>Khoản mục</i>	<i>Số trước điều chỉnh VND</i>	<i>Điều chỉnh VND</i>	<i>Số sau điều chỉnh VND</i>
<i>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>			
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	-	7.500.000.000	7.500.000.000
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	813.200.000	11.284.876	824.484.876
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	813.200.000	11.284.876	824.484.876

Năm 2024, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục trong thuyết minh các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	1.166.883.696	1.272.964.032
- Từ 1 năm đến 5 năm	-	1.166.883.696
	1.166.883.696	2.439.847.728

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Bà Phan Khánh An
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Thúc Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025